TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Láng

Bà Hoàng Thị Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ưu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể*, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông Ma Thế Thiện và bà Nguyễn Thị Hồng N- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 21/5/2024 và các quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 05/6/2024, số 08A/2024/HSST-QĐ ngày 05/7/2024, số 10/2024/HSST-QĐ ngày 02/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1982, tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nông Thị Đ (đã chết); vợ: Nông Thị H, sinh năm 1983; con: 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/6/2023, sau đó tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Văn P, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1994, tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H1 và bà Dương Thị N1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không có; tiền án: 01 (Tại bản án số 24/2019/HSST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy").

Bị cáo bị bắt từ ngày 30/6/2023, sau đó tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:*** Ông Đinh Xuân D – Trợ giúp viên, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nông Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

**** Người chứng kiến*:**

- Ông Nông Đức H2, sinh năm 1961. Vắng mặt.

- Ông Nông Văn K, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 30/6/2023, Nguyễn Văn S đến nhà Hoàng Văn P ở cùng thôn Bản Trù, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để rủ P đi thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy, loại heroine về sử dụng, P bảo "không có tiền", S bảo "chú có tiền đây rồi, nếu mua được ma túy về sẽ chia cho P một ít sử dụng", P đồng ý đi cùng S, để tránh người khác để ý, cả hai thống nhất S đi xe mô tô, còn P sẽ đi xe khách đến thị trấn P, huyện B, S đón P rồi cùng đi Thái Nguyên. Sằm đưa cho P 50.000 đồng để đi xe khách. Khi đón được P, S điều khiển xe đến thành phố B thì suýt đâm vào người khác nên đã chuyển cho P điều khiển. Cả hai đi đến khu G tìm mua ma túy. Đến nơi, cả hai vào quán ngồi uống nước, mua bánh nướng về ăn, sau đó S bảo P ngồi đợi ở quán, S đi bộ đi tìm mua ma túy thì gặp một người đàn ông không quen biết có biểu hiện giống người nghiện ma túy nên hỏi và mua với người đàn ông này 01 gói ma túy với giá 10.300.000 đồng. Mua được ma túy, S đi đến chỗ để xe rồi gọi P để đi về, P từ quán nước đi ra cầm theo túi bánh nướng, S cho gói ma túy vừa mua được vào túi bánh nướng rồi đưa cho P, P treo vào móc giá hàng đằng trước xe mô tô và đi về. Trên đường về, S nói với P "nếu có đoạn nào vắng thì dừng để sử dụng ma túy". Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến thôn Bản Áng, xã T, huyện C, P dừng xe và cầm theo túi ma túy, S dùng đèn pin của điện thoại soi đường, cả hai vào cạnh đường thì S soi đèn cho P mở gói ma túy ra, P dùng móng tay cấu lấy một ít ma túy cho vào xi lanh có chứa nước cất đã chuẩn bị trước rồi sử dụng bằng hình thức chích vào tĩnh mạch, sau đó S cũng lấy một ít ma túy và sử dụng bằng hình thức hít, sử dụng xong Sằm gói lại số ma túy còn lại đưa cho P, P cầm gói ma túy treo vào móc giá hàng đằng trước xe mô tô rồi điều khiển chở S về đến thôn P, xã M, huyện B thì bị tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã M, Công an xã C phát hiện, P điều khiển

xe bỏ chạy nên bị ngã làm gói ma túy rơi ra khỏi xe, tổ công tác đã giữ được S, P và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ gói ma túy dạng cục, bột màu trắng tại lề đường, niêm phong vào phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra, còn tạm giữ của S 01 điện thoại niêm phong vào phong bì A2, 01 xe mô tô; tạm giữ của P 01 xi lanh niêm phong vào phong bì ký hiệu A3 và thu tại hiện trường 01 túi nilon màu hồng, 01 túi nilon màu trắng niêm phong vào phong bì ký hiệu A4, 01 túi nilon màu trắng có chứa bánh nướng niêm phong vào túi nilon.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở và các công trình phụ cận có liên quan của Nguyễn Văn S, Hoàng Văn P tại thôn Bản Trù, xã C, huyện B. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến hành vi vi phạm của S, P.

Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu A1 để cân xác định khối lượng 01 gói chứa chất dạng cục, bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn S, Hoàng Văn P được 9,94 gam (chín phẩy chín bốn gam). Đã niêm phong phong bì, giấy nilon, dây chun vào phong bì ký hiệu B2 và niêm phong 9,94 gam chất dạng cục, bột màu trắng vào phong bì ký hiệu B1 để trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh B giám định.

Tại kết luận giám định số 224/KL-KTHS ngày 06/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất dạng cục và bột màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 9,94 gam. Mẫu vật còn lại sau giám định là 9,11 gam cùng phong bì, bao gói cũ được Phòng K1 Công an tỉnh B niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T124 và hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSBB ngày 21/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S và Hoàng Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Hoàng Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo S từ 7 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn S thuộc hộ cận nghèo, bị cáo P sống phụ thuộc gia đình, các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự Điều 29, Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật Dân sự xử lý vật chứng:

+ Đối với các vật chứng gồm: 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T124 bên trong có chứa mẫu chất ma túy, loại heroine còn lại sau giám định là 9,11gam (chín phẩy một một gam) cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong chứa phong bì, dây chun màu vàng, giấy nilon màu trắng và màu đen; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong chứa 01 xi lanh; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4 bên trong chứa 01 túi ninlon màu trắng và 01 túi nilon màu hồng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 05 miếng bánh nướng được niêm phong vào túi nilon; 01 phong bì ký hiệu A2 dùng để dựng điện thoại; là các vật chứng cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen tím của bị cáo Nguyễn Văn S là phương tiện liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên đề nghị tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số đăng ký 97B1-911.66 có giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nông Thị H – vợ của bị cáo S. Xác định chiếc xe là tài sản chung của hai vợ chồng Nông Thị H và Nguyễn Văn S, bị cáo S mang xe đi thực hiện hành vi phạm tội chị H không biết. Đề nghị tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước ½ giá trị xe thuộc sở hữu của bị cáo S, trả lại cho chị Nông Thị H ½ giá trị chiếc xe.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo; Bị cáo Hoàng Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng; phần tranh luận, bị cáo P cho rằng mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện viện kiểm

sát là cao; Người bào chữa cho bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt ở mức đầu khung theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Kiểm sát viên đã đối đáp đầy đủ các ý kiến của bị cáo, người bào chữa và giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến vắng mặt, tuy nhiên, họ đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nêu đầy đủ ý kiến đối với phần quyền, nghĩa vụ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án của Tòa án. Căn cứ vào Điều 292, 296 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 30/6/2023, Nguyễn Văn S rủ Hoàng Văn P đi xe máy đến khu G thuộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên tìm mua ma túy, loại heroine về sử dụng. Tiền mua ma túy là của S. Sau khi mua được ma túy, trên đường về đến thôn Bản Áng, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, cả hai dừng xe, cầm theo gói ma túy vừa mua được vào cạnh đường, S soi đèn cho P lấy ma túy ra và cho P sử dụng bằng hình thức chích, còn S cũng lấy ma túy sử dụng bằng hình thức hít. Khi về đến thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã M, C huyện B phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 gói ma túy, loại heroine có khối lượng 9,94 gam (chín phẩy chín bốn gam).

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì muốn có ma túy để sử dụng, nhận thức rõ hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng S và P vẫn cố ý thực hiện. Ngoài ra, bị cáo S còn có hành vi cung cấp ma túy cho P cùng sử dụng trái phép. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong các giai đoạn tố tụng đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn P: Trong các giai đoạn tố tụng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại bản án số 24 ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt Hoàng Văn P 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành hình phạt tù xong vào ngày 20/9/2021, tính đến thời điểm phạm tội ngày 30/6/2023 bị cáo chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo là đồng phạm đối với hành vi tàng trữ 9,94 gam (chín phẩy chín bốn gam) heroine với tính chất giản đơn, không có tổ chức, phân công chặt chẽ, đều là người thực hành; trong đó, Nguyễn Văn S có vai trò chính, là người khởi xướng, bỏ tiền, sử dụng phương tiện là xe máy và trực tiếp là người mua ma túy; Hoàng Văn P có vai trò giúp sức, tiếp nhận ý chí, thống nhất thực hiện đối với các hành vi phạm tội của S.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội là rất nghiêm trọng, xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ với mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo Nguyễn Văn S phạm hai tội, cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội, tuy nhiên, vì các bị cáo là lao động tự do, nghiện ma túy, không có tài sản gì có giá trị; bị cáo Nguyễn Văn S thuộc diện hộ cận nghèo. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 29, Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 244 Bộ luật Dân sự xử lý vật chứng:

+ Đối với các vật chứng gồm: 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T124 bên trong có chứa mẫu chất ma túy, loại heroine còn lại sau giám định là 9,11gam (chín phẩy một một gam) cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong chứa phong bì, dây chun màu vàng, giấy nilon màu trắng và màu đen; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong chứa 01 xi lanh; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4 bên trong chứa 01 túi ninlon màu trắng và 01 túi nilon màu hồng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 05 miếng bánh nướng được niêm phong vào túi nilon; 01 phong bì ký hiệu A2 dùng để đựng điện thoại; là các vật chứng cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen tím của bị cáo Nguyễn Văn S là phương tiện liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số đăng ký 97B1-911.66 có giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nông Thị H – vợ của bị cáo S. Xác định chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng Nông Thị H và Nguyễn Văn S; bị cáo S mang xe đi thực hiện hành vi phạm tội chị H không biết. Hội đồng xét xử tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước ½ giá trị xe là tài sản của Nguyễn Văn S dùng vào việc phạm tội, trả lại cho chị Nông Thị H ½ giá trị xe do không có lỗi trong việc để S sử dụng phương tiện vào việc phạm tội.

[7] Về quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát: là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Nguyễn Văn S khai mua với một người đàn ông tại khu G thuộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nhưng S không quen biết người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97B1-911.66 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn S và Nông Thị H, việc S mang đi làm phương tiện để mua ma túy bà H không biết nên không xem xét xử lý đối với bà H.

[9]Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Hoàng Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, khoản 1 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2023.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn P:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 29, Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật Dân sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T124 bên trong có chứa mẫu chất ma túy, loại heroine còn lại sau giám định là 9,11gam (chín phẩy một một gam) cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong chứa phong bì, dây chun màu vàng, giấy nilon màu trắng và màu đen; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong chứa 01 xi lanh; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4 bên trong chứa 01 túi ninlon màu trắng và 01 túi nilon màu hồng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 05 miếng bánh nướng được niêm phong vào túi nilon; 01 phong bì ký hiệu A2 dùng để đựng điện thoại.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen tím của bị cáo Nguyễn Văn S;

+ ½ giá trị xe mô tô biển số đăng ký 97B1-911.66 có giấy chứng nhận đăng ký tên Nông Thị H.

- Trả lại cho chị Nông Thị H ½ giá trị xe mô tô biển số đăng ký 97B1-911.66 có giấy chứng nhận đăng ký tên Nông Thị H.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/02/2024 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S; bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Triệu Thị Út Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;(1)
- Công an huyện Ba Bể;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;(1)
- Công an huyện Ba Bể;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Nguyên đơn Dân sự;(1)
- Người có QL,NVLQ;(3)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;(1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an huyện Ba Bể;(1)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

Hoàng Anh Tuấn